

**CÔNG TY TNHH MỸ PHẨM VIỆT NHẬT NA AM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MỸ PHẨM VIỆT NHẬT NA AM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NA AM VIETNAM JAPAN COSMETICS COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: NA AM CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110285206

**3. Ngày thành lập:** 14/03/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 8 Tòa nhà Sannam, Số 78 Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0886.83.83.98

Fax:

Email: [info@naam.vn](mailto:info@naam.vn)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                               | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                                                     | 4610        |
| 2.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>(Không bao gồm các mặt hàng Nhà nước cấm)                                                                                                                        | 4649(Chính) |
| 3.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>(Không bao gồm động vật, thực vật, hóa chất bị cấm theo quy định của Luật đầu tư)                                                                                                                                  | 4669        |
| 4.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(Không bao gồm tổ chức hợp báo)<br>(Không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)                          | 8230        |
| 5.  | Dịch vụ đóng gói                                                                                                                                                                                                                                                        | 8292        |
| 6.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh<br>(Không bao gồm hoạt động Nhà nước cấm)<br>(Trừ Dịch vụ báo cáo tòa án và Hoạt động đấu giá độc lập và dịch vụ lấy lại tài sản) | 8299        |
| 7.  | Đào tạo sơ cấp<br>Chi tiết: Giáo dục nghề nghiệp: Đào tạo trình độ sơ cấp<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                               | 8531        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                  |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 8.  | Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)<br>Chi tiết: Dịch vụ spa, chăm sóc sắc đẹp, massage                                                                                                                | 9610 |
| 9.  | Cắt tóc, làm đầu, gội đầu<br>Chi tiết: Massage mặt, làm móng chân, móng tay                                                                                                                                                                                      | 9631 |
| 10. | Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                            | 9639 |
| 11. | Cổng thông tin<br>(Trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                                        | 6312 |
| 12. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                | 4690 |
| 13. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>(Không bao gồm các mặt hàng Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                  | 4719 |
| 14. | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh                                                                                                                                                                                           | 2023 |
| 15. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>(Không bao gồm: hóa chất, động vật, thực vật, hóa chất bị cấm theo quy định của Luật đầu tư; Kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu; Bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; Bán lẻ tem và tiền kim khí) | 4789 |
| 16. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                     | 4791 |
| 17. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                | 4799 |
| 18. | Vận tải hàng hóa đường sắt                                                                                                                                                                                                                                       | 4912 |
| 19. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                                                                                        | 4933 |
| 20. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>(Không bao gồm kinh doanh bất động sản)                                                                                                                                                                                           | 5210 |
| 21. | Bốc xếp hàng hóa<br>(Không bao gồm bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)                                                                                                                                                                                             | 5224 |
| 22. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                                                                                                          | 5225 |
| 23. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>(Không bao gồm hoạt động kinh doanh dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay)                                                                                                                      | 5229 |
| 24. | Chuyển phát<br>(Không bao gồm chuyển tiền, ngoại tệ)                                                                                                                                                                                                             | 5320 |
| 25. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                          | 4772 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN THỊ THƯƠNG

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 09/11/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 037191003660

Ngày cấp: 23/09/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Khả Lương, Xã Ninh Thắng, Huyện Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Khả Lương, Xã Ninh Thắng, Huyện Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ THƯƠNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 09/11/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 037191003660

Ngày cấp: 23/09/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Khả Lương, Xã Ninh Thắng, Huyện Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Khả Lương, Xã Ninh Thắng, Huyện Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

## 9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội